

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2017/HNGĐ – ST

Ngày: 17-11-2017

"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Đăng Bảy

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Tiên – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 201/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2017/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: anh Bùi Vi Văn G, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 30/4 xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: chị Phan Thị Tuyết H, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2017, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương vào ngày 04/8/2005. Anh và chị H chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị H bỏ đi theo người khác, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh nhiều lần khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi, không thể tiếp tục chung sống nên anh và chị H đã sống ly thân liên tục từ đầu năm 2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị H nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung, họ tên là Bùi Phan Văn Đ, sinh ngày 05/05/2006 và Bùi Phan Q sinh ngày 09/02/2012. Sau khi ly hôn anh G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Tuyết H đã được Tòa án thông báo triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị H vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh G được ly hôn với chị H. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của luật hôn nhân và gia đình giao các cháu Bùi Phan Văn Đ, sinh ngày 05/05/2006 và Bùi Phan Q sinh ngày 09/02/2012 cho anh Bùi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh G và chị H tự nguyện chung sống năm 2005 và đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2005 tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Giữa anh G và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp. Chị H cư trú tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa anh G và chị H là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh G và chị H tự nguyện chung sống năm 2005 và đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2005 tại UBND xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. anh G và chị H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, căn cứ theo lời khai của người làm chứng là bà Thạch Thị G1 là mẹ ruột của chị H xác định: Chị Phan Thị Tuyết H là con gái của bà, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh G và chị H thì bà có biết, cụ thể vào năm 2016 chị H có nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác (bà không biết địa chỉ cụ thể của người đàn ông này ở đâu, bà chỉ biết người này ở Bến Tre), từ đó dẫn đến mâu thuẫn gia đình giữa anh G và chị H. Vợ chồng anh G và chị H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 liên tục cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau, không có sự hàn gắn. Khi Tòa án thụ lý vụ án này thì có giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác bà có nhận và giao lại ngay cho chị H, chị H có biết toàn bộ vụ việc anh G khởi kiện xin ly hôn với chị H tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, nhưng chị H cố tình trốn tránh không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Hiện nay con gái bà là chị Phan Thị Tuyết H là người có lỗi làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc gia đình không còn. Vì vậy, phía con rể bà là anh Bùi Vi Văn G khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H thì bà cũng đồng ý và không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh G và chị H là trầm trọng thể hiện qua việc anh chị đã sống ly thân một thời gian, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình không còn, anh G và chị H đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh G được ly hôn với chị H.

Phía bị đơn chị H đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, chị H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị, chị không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung, họ tên: Bùi Phan Văn Đ, sinh ngày 05/05/2006 và Bùi Phan Q sinh ngày 09/02/2012. Nguyên đơn anh G nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu Đ và Q sau khi ly hôn với chị H. Xét thấy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Căn cứ văn bản lời khai của cháu Bùi Phan Văn Đ thì cháu Đ trình bày: hiện nay cháu đang ở với bà ngoại (bà Thạch Thị G) tại thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Mẹ cháu là bà Phan Thị Tuyết H đã bỏ đi không chăm sóc anh em cháu, sau khi ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với ba cháu tức là anh G. Như vậy, cần giao các cháu Bùi Phan Văn Đ, sinh ngày 05/05/2006 và Bùi Phan Q sinh ngày 09/02/2012 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ: không có.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Vi Văn G. anh Bùi Vi Văn G được ly hôn với chị Phan Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Giao các cháu Bùi Phan Văn Đ, sinh ngày 05/05/2006 và Bùi Phan Q sinh ngày 09/02/2012 cho anh Bùi Vi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ: không có.

6. Về án phí: anh Bùi Vi Văn G phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0021390 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

